

## NGOẠI GIAO KÊNH 2 VÀ KÊNH 1.5 TRONG ĐƯỜNG LỐI ĐỐI NGOẠI CỦA VIỆT NAM

*Luận Thùy Dương\**

### **Tóm tắt**

*Trong bối cảnh tình hình quốc tế có những diễn biến phức tạp và đa dạng hơn, ngoại giao kênh 2 nổi lên như một cách tiếp cận mới nhằm góp phần giải quyết các vấn đề chính trị - an ninh và xử lý các xung đột quốc tế phức tạp, có lợi ích chông chéo giữa các bên liên quan. Từ năm 1995 đến nay, kênh 2 của Việt Nam đã tham gia vào quá trình mở rộng kênh 2 của ASEAN từ khu vực Đông Nam Á, Đông Á đến châu Á - Thái Bình Dương và toàn thế giới. Kênh 2 của Việt Nam có những đặc thù riêng để có thể được xem là kênh 1.5. Kênh 2 hay kênh 1.5, giúp Việt Nam thực hiện tốt đường lối đối ngoại đa phương hóa, đa dạng hóa quan hệ, đồng thời huy động được nhiều tầng lớp xã hội tham gia vào hoạt động đối ngoại, tạo ra sức mạnh tổng hợp. Trong bối cảnh mới của tình hình quốc tế, Việt Nam càng cần tích cực tham gia vào các mạng lưới kênh 2 và kênh 1.5, để nắm bắt tình hình, quan điểm của các nước, các sáng kiến và giải pháp, cũng như tìm kiếm sự đồng thuận của các nước đối với quan điểm của Việt Nam, duy trì được lòng tin đối với Việt Nam, qua đó, giúp cho các khuôn khổ quan hệ hợp tác đã có của đất nước được bền vững và đi vào chiều sâu.*

**Từ khóa:** Ngoại giao kênh 2, ngoại giao kênh 1.5, ngoại giao đa kênh, đối ngoại Việt Nam.

\* Đại sứ, TS., Học viện Ngoại giao.

### **Mở đầu**

Ngoại giao kênh 2 (hay còn gọi là ngoại giao bán chính thức, ngoại giao học giả) là một hình thức ngoại giao mới từ những năm 1970, nhưng thực sự phát triển mạnh trong thực tiễn quan hệ quốc tế từ sau Chiến tranh Lạnh đến nay. Kênh 2 không chỉ dừng ở việc đưa ra những ý tưởng và xây dựng các chuẩn mực hợp tác chung mà còn hỗ trợ kênh 1 (ngoại giao Nhà nước) về mặt nghiên cứu, thông tin, kiến nghị cũng như triển khai chính sách. Kênh 2 còn có thể tham gia vận động hành lang, giúp kênh 1 thúc đẩy đàm phán và đạt được các thỏa thuận. Đồng thời, kênh 2 giúp kênh 1 mở rộng quan hệ với các đối tác ngoài khu vực, giảm sự can thiệp của các nước lớn vào các vấn đề khu vực. Kênh 2 còn giúp kênh 1 gắn với kênh 3 (ngoại giao nhân dân), và giúp kênh 3 tạo lập ý thức cộng đồng, tìm kiếm bản sắc khu vực, góp phần đẩy nhanh các tiến trình khu vực hóa trong bối cảnh xu hướng toàn cầu hóa gia tăng trên thế giới.

Kênh 2 của Việt Nam đã và đang tham gia vào quá trình mở rộng kênh 2 của ASEAN từ khu vực Đông Nam Á, Đông Á đến châu Á - Thái Bình Dương và toàn thế giới. Kênh 2 của Việt Nam có những đặc thù riêng để có thể được xem là kênh 1.5. Bài viết trước hết làm rõ khái niệm “ngoại giao kênh 2”, sau đó phân tích thực tiễn ngoại giao kênh 2 tại châu Á - Thái Bình Dương và ngoại giao kênh 2 của Việt Nam, cuối cùng đưa ra một số đề xuất, kiến nghị để thúc đẩy ngoại giao kênh 2 của Việt Nam trong bối cảnh mới.

### **Bối cảnh hình thành và khái niệm “ngoại giao kênh 2”**

Trong quan hệ quốc tế hiện nay, các hình thức ngoại giao có thể được phân loại theo công cụ mà ngoại giao sử dụng hoặc tương tác: ngoại giao văn hóa, ngoại giao kinh tế và ngoại giao chính trị. Đôi khi ngoại giao được phân biệt theo chính sách đối ngoại sử dụng, ví dụ “ngoại giao cây tre”, “ngoại giao bóng bàn”... Cách tiếp cận khác là phân

biệt ngoại giao theo đặc điểm (chính thức và không chính thức) và theo chủ thể (ngoại giao nhân dân, ngoại giao chính phủ và ngoại giao phi chính phủ).

Trong bối cảnh các vấn đề chính trị - an ninh, xung đột quốc tế ngày càng phức tạp và đa dạng hơn, nhiều khi hoạt động ngoại giao chính thức không thể giải quyết một cách hiệu quả. Do vậy, ngoại giao đa kênh, trong đó có ngoại giao không chính thức - ngoại giao phi chính phủ - ngoại giao kênh 2, được xem là một cách tiếp cận mới nhằm góp phần giải quyết các vấn đề chính trị - an ninh và xử lý các xung đột quốc tế phức tạp, có lợi ích chông chéo giữa các bên liên quan.

Thuật ngữ ngoại giao đa kênh, cũng như thuật ngữ kênh 1 và kênh 2, được Joseph Montville đưa ra lần đầu tiên vào năm 1981: “Ngoại giao đa kênh là sự kết hợp các hoạt động ngoại giao chính thức, chính phủ (kênh 1) với các hoạt động ngoại giao không chính thức, phi chính phủ (kênh 2) nhằm xử lý các xung đột giữa các quốc gia và trong một quốc gia.”<sup>1</sup> Ngoại giao phi chính phủ, hay ngoại giao không chính thức, hay ngoại giao kênh 2 là ngoại giao của các chủ thể phi quốc gia - họ cũng có mục tiêu và lợi ích chính trị đối ngoại riêng, cũng thực hiện mục tiêu của mình thông qua việc gây ảnh hưởng đối với chính sách đối ngoại của các chính phủ tương ứng, đồng thời sử dụng công cụ ngoại giao để tiến hành đối ngoại trên trường quốc tế. John McDonald phân loại kênh 2 thành bốn kênh nhỏ của giới học giả, doanh nghiệp, công dân và truyền thông. Đến năm 1991, Louise Diamond và John McDonald phân loại ngoại giao đa kênh thành chín kênh: chính phủ, chuyên gia giải quyết xung đột, doanh nghiệp, công dân, nghiên cứu -

giáo dục - đào tạo (học giả), hoạt động xã hội, tôn giáo, tài trợ và truyền thông - công luận.<sup>2</sup>

Xung đột quốc tế không chỉ phát sinh giữa các quốc gia, mà còn xuất hiện giữa các chủ thể quốc gia với các chủ thể phi quốc gia và giữa các chủ thể phi quốc gia với nhau. Hơn nữa, các xung đột trở nên vô cùng đa dạng, không chỉ trên các vấn đề truyền thống, mà còn trên các vấn đề kinh tế, môi trường... An ninh phi truyền thống nổi lên ngày càng đa dạng trên phạm vi toàn cầu. Các vấn đề an ninh phi truyền thống thường quá nhạy cảm, phức tạp, tế nhị, nhiều khi ngoại giao chính phủ cũng tỏ ra bất lực trong việc giải quyết. Việc phối hợp các kênh ngoại giao chính thức với ngoại giao không chính thức để xử lý xung đột quốc tế trở nên bức thiết. Công cuộc gìn giữ hòa bình và an ninh quốc tế hiện nay đòi hỏi một cách tiếp cận ngoại giao đa tầng nấc. Thay cho việc đặt ngoại giao kênh 1 (ngoại giao chính phủ) ở vị trí cao nhất, kênh nào cũng có tầm quan trọng của nó và các kênh đều có mối quan hệ phụ thuộc lẫn nhau.

Dựa trên tình hình xung đột, đặc điểm chính trị - xã hội của các nước khu vực châu Á - Thái Bình Dương, đặc biệt là các nước Đông Bắc Á và Đông Nam Á, các kênh ngoại giao ở khu vực này được phân chia thành kênh 1 - Ngoại giao chính phủ; kênh 2 - Ngoại giao của giới học giả, chuyên gia, cố vấn chính sách, nhân vật ưu tú..., kênh 3 - Ngoại giao của xã hội dân sự, công dân (hay còn gọi là ngoại giao nhân dân). Ngoài ra còn có kênh 1.5 (pha trộn giữa kênh 1 và kênh 2) và kênh 2.5 (pha trộn giữa kênh 2 và kênh 3). Theo Carolina Hernandez, nguyên Viện trưởng Viện Nghiên cứu chiến lược và phát triển Phi-líp-pin: “kênh 2

<sup>1</sup> Diana Chigas, “Track II (Citizen) Diplomacy,” in *Beyond Intractability*, eds. Guy Burgess and Heidi Burgess, Conflict Information Consortium, University of Colorado, Boulder, August 2003, <http://www.beyondintractability.org/essay/track2-diplomacy>.

<sup>2</sup> John W. McDonald, “Multi-Track Diplomacy,” in *Beyond Intractability*, eds. Guy Burgess and Heidi Burgess, Conflict Information Consortium, University of Colorado, Boulder, September 2003, <http://www.beyondintractability.org/essay/multi-track-diplomacy>.

gồm các giới học thuật, phân tích chính sách, doanh nghiệp, truyền thông và quan chức chính phủ với tư cách cá nhân, tham gia vào các hoạt động liên quan đến chính sách như hội nghị, hội thảo, thậm chí hợp tác nghiên cứu nhằm gây ảnh hưởng đến chính sách đối ngoại, cả trong lĩnh vực kinh tế cũng như lĩnh vực chính trị - an ninh. Tuy nhiên, trên thực tế, thành phần tham gia ngoại giao kênh 2 ở khu vực châu Á - Thái Bình Dương chủ yếu bao gồm giới học giả, chuyên gia, nhân vật ưu tú và chủ yếu hoạt động tập trung vào lĩnh vực chính trị - an ninh.”<sup>3</sup>

Các học giả Việt Nam chưa đưa ra khái niệm ngoại giao kênh 2 một cách đầy đủ. Từ điển bách khoa toàn thư Việt Nam chỉ đề cập sơ qua ngoại giao kênh 2 khi nói đến ngoại giao không chính thức: “Ngoại giao không chính thức là hình thức ngoại giao ra đời từ lâu, sớm hơn ngoại giao chính thức (ngoại giao giữa các quốc gia có chủ quyền) và không ngừng phát triển. Ngoại giao không chính thức là một bộ phận hợp thành nền ngoại giao tổng thể của quốc gia; tuy không quan trọng bằng ngoại giao chính thức, song cũng có nhiều đóng góp trong việc bảo vệ lợi ích quốc gia.”<sup>4</sup>

Dalia D. Kaye, chuyên gia về đàm phán xung đột, cho rằng “kênh 2 là kênh trung gian hòa giải không chính thức, bao gồm các tổ chức phi chính phủ, các tổ chức tôn giáo, các cơ quan học thuật tham gia quá trình giải quyết xung đột bằng việc tạo ra một môi trường hoàn toàn độc lập với các quan điểm của các chính phủ, hoàn toàn không có tính cưỡng chế, hoặc gây áp lực trong khi tìm kiếm nhận thức chung lợi ích chung, để đưa đến giải pháp cho xung đột.”<sup>5</sup>

<sup>3</sup> Carolina Hernandez, “Governments and NGOs in the Search for Peace,” *The ASEAN-ISIS and CSCAP Experience, Institute for Strategic and Development Studies, Philippines* (1998): 15.

<sup>4</sup> Từ điển Bách khoa toàn thư điện tử, <http://dictionary.bachkhoatoanthu.gov.vn>.

<sup>5</sup> Dalia Dassa Kaye, “Rethinking Track Two Diplomacy: The Middle East and South Asia,” *The Netherlands Institute of International Relations Clingendael*, June 2005,

Diana Chigas lại tập trung vào chủ thể, cho rằng “kênh 2 là kênh ngoại giao công dân, tập hợp các cá nhân không phải quan chức chính phủ, mà là công dân của các bên xung đột, hoặc ngoài xung đột, có ảnh hưởng lớn đối với chính phủ của các bên xung đột, đối thoại với nhau tìm kiếm giải pháp cho xung đột.”<sup>6</sup>

Jeffrey Mapendere tiếp cận khái niệm kênh 2 ở góc độ khác. Ông đặt kênh 2 bên cạnh kênh 1 và kênh 1.5, và cho rằng “kênh 2 là kênh tương tác không chính thức giữa các bên đối kháng, cùng nhau tìm kiếm chiến lược, gây ảnh hưởng lên dư luận công chúng, tập hợp các nguồn nhân lực và vật lực, nhằm giải quyết xung đột và duy trì hòa bình.”<sup>7</sup> Tham gia kênh 2 là các cá nhân nằm ngoài chính phủ hoặc các quan chức chính phủ tham gia với tư cách cá nhân. Trong khi đó, kênh 1 là kênh giao tiếp giữa các chính phủ và phải theo nghi lễ ngoại giao chính thức.

Tổng hợp những ý kiến và quan điểm nói trên, có thể rút ra định nghĩa như sau: kênh 2 là kênh đối thoại không chính thức, của các học giả, các nhà nghiên cứu, các quan chức chính phủ tham gia với tư cách cá nhân, nhằm mở rộng quan hệ đối ngoại và tăng cường hợp tác quốc tế. Ngoại giao kênh 2 là ngoại giao không chính thức, không theo nghi lễ ngoại giao chính thức, nhưng có vai trò quan trọng, được ngoại giao chính thức của các chính phủ (kênh 1) sử dụng để tuyên truyền đường lối, chính sách của mình, đồng thời gắn kết với ngoại giao nhân dân (kênh 3) theo hướng tác động lên dư luận công chúng, nhằm giải quyết các vấn đề quốc tế và xử lý các xung đột trong quan hệ quốc tế.

<https://www.guillaumenaicase.com/wp-content/uploads/2014/08/kaye-rethinking-track-two-diplomacy.pdf>.

<sup>6</sup> Diana Chigas, “Track II (Citizen) Diplomacy.”

<sup>7</sup> Jeffrey Mapendere, “Transformation of Conflicts: Interaction of Track I, Track II and Track One and Half,” *Peace Review* (2000), 66-71.

## **Thực tiễn ngoại giao kênh 2 ở khu vực châu Á - Thái Bình Dương**

Tại khu vực Đông Nam Á, trong thập niên 1970, khi Mỹ bắt đầu có ý định rút khỏi miền Nam Việt Nam và giảm cam kết với các nước Đông Nam Á, các nước ASEAN buộc phải tính đến việc thay đổi chính sách. ASEAN bắt đầu có cách hoạt động mới, ngoài việc nhóm họp thường xuyên, định kỳ, chính thức, thì ASEAN cũng tổ chức nhiều cuộc họp không chính thức để tăng cường lợi ích chung, hướng tới đồng thuận. Ngoại giao thầm lặng và không chính thức bắt đầu được coi là nguyên tắc ngầm quan trọng và mang tính đặc thù trong giao tiếp của ASEAN. Mâu thuẫn giữa các nước thành viên được trao đổi một cách không chính thức để đạt được sự hiểu biết chung, tìm phương hướng giải quyết, không tuyên truyền, nói xấu nhau trên các phương tiện thông tin, trước khi đưa ra các hội nghị chính thức.

Tình hình khu vực từ giữa thập niên 1980 cũng tác động mạnh đến nhận thức an ninh của các nước thành viên ASEAN. Bên cạnh các vấn đề an ninh truyền thống, hay an ninh quân sự, nổi cộm lên những vấn đề an ninh phi truyền thống, an ninh phi quân sự, làm xuất hiện các khái niệm an ninh toàn diện và an ninh hợp tác. “An ninh hợp tác là một cách tiếp cận nhấn mạnh việc bảo đảm an ninh cho nhau chứ không phải là răn đe, nó bao gồm tất cả chứ không mang tính loại trừ..., và đặc biệt là nhấn mạnh thói quen đối thoại.”<sup>8</sup> Như vậy, đối thoại và hợp tác, dưới hình thức chính thức và không chính thức, trở thành tư duy mới về an ninh của các nước ASEAN.

Bước sang thập niên 1990, khi Chiến tranh Lạnh sắp kết thúc và vấn đề Cam-pu-chia dần được giải quyết, chính phủ các nước ASEAN thấy cần

---

<sup>8</sup> Hà Hồng Hải, “Một số khái niệm an ninh,” *Tạp chí Nghiên cứu Quốc tế*, số 33 (2000): 17.

một cơ chế an ninh đa phương với sự tham gia của các nước trong và ngoài khu vực và các nước lớn. Họ đã nhận thức rõ đây là cách tốt nhất để bảo vệ lợi ích của mình trong một môi trường chiến lược mới.<sup>9</sup> ASEAN thấy cần tạo lập ra một cơ chế hợp tác an ninh đa phương, đối thoại chính thức và không chính thức, với tất cả các nước lớn như Mỹ, Nga, Trung Quốc, Nhật Bản, Ấn Độ, và coi đây là biện pháp tốt nhất để bảo đảm môi trường ổn định cho khu vực. Trong bối cảnh này ASEAN càng cần kênh 2 để trao đổi, tham vấn và tìm kiếm các cơ chế đa phương thích hợp.

Như vậy, sự ra đời của kênh 2 nhằm thúc đẩy đối thoại, tìm kiếm sự đồng thuận và những lợi ích chung, là đóng góp quan trọng vào việc giảm nghi kỵ, tăng cường đoàn kết nội bộ, tạo điều kiện thuận lợi cho việc thực hiện các chương trình hợp tác và đưa liên kết đi vào chiều sâu. Mô thức đối thoại và tham khảo, tiếp cận không chính thức, mềm dẻo, tôn trọng sự đa dạng của ngoại giao kênh 2 phù hợp với “phương cách ASEAN”. Sự ra đời kênh 2 của ASEAN là nhu cầu thiết yếu, góp phần quan trọng phát triển “phương cách ASEAN”, đưa phương cách này vào nhiều thể chế đa phương ở các khu vực Đông Nam Á, Đông Á và châu Á - Thái Bình Dương, qua đó giúp ASEAN nâng cao vị thế của mình.

Mạng lưới các viện nghiên cứu chiến lược và quốc tế của ASEAN (ASEAN-ISIS) ra đời năm 1988 tại Xin-ga-po. ASEAN-ISIS là thể chế đầu tiên hình thành nên ngoại giao kênh 2 của ASEAN ở Đông Nam Á, rồi lan rộng ra khu vực châu Á - Thái Bình Dương. Năm 1995, Việt Nam trở thành thành viên của ASEAN, Học viện Quan hệ quốc tế (IIR) nay là Học viện Ngoại giao (DAV) trở thành thành viên thứ sáu của ASEAN-

---

<sup>9</sup> Đào Huy Ngọc, *ASEAN và sự hội nhập của Việt Nam*, (Hà Nội: Nxb. Chính trị Quốc gia, 1997), 46.

ISIS.<sup>10</sup> Năm 1997, Viện Nghiên cứu hòa bình và hợp tác của Cam-pu-chia (CICP) trở thành thành viên thứ bảy và năm 1999, Viện Ngoại giao Lào (IFA) trở thành thành viên thứ tám của ASEAN-ISIS. Thành viên mới nhất của ASEAN-ISIS là Viện Nghiên cứu chính sách và chiến lược của Bru-nây Đa-rút-xa-lam (BDIPSS), trở thành thành viên thứ chín vào năm 2000. Mi-an-ma đã thành lập Viện Nghiên cứu chiến lược và quốc tế (MISIS) từ năm 1992<sup>11</sup> và là đối tác của các ISIS trong ASEAN tới năm 2003 thì trở thành thành viên chính thức.

ASEAN-ISIS ngày càng phát triển nhiều cơ chế đối thoại và mạng lưới hỗ trợ. Cứ một mạng lưới kênh 1 ra đời, lại xuất hiện một kênh 2 hỗ trợ. Cụ thể, ở Đông Nam Á, bên cạnh ASEAN là ASEAN-ISIS. Ở khu vực rộng lớn hơn, khu vực châu Á - Thái Bình Dương, bên cạnh Diễn đàn Khu vực ASEAN (ARF), xuất hiện cơ chế đối thoại kênh 2 đó là Hội đồng Hợp tác an ninh châu Á - Thái Bình Dương (CSCAP). Ở khu vực Đông Á, khi có cơ chế đối thoại ASEAN+3 và kênh 2 là Mạng lưới các viện nghiên cứu chính sách Đông Á (Network of East Asia Think-tanks - NEAT).

Ngoài NEAT, ở Đông Á còn có EAC (East Asia Congress - Đại hội Đông Á) và EAF (East Asia Forum - Diễn đàn Đông Á). EAC tập trung bàn thảo việc xây dựng Cộng đồng Đông Á, và EAF tập trung bàn thảo việc thúc đẩy liên kết Đông Á, cũng như việc xây dựng quy tắc ứng xử ở Đông Á. EAC và EAF, đều là diễn đàn kênh 2, cùng ra đời năm 2003, cũng chung mục đích hỗ trợ cho Hội nghị cấp cao ASEAN+3 và Hội nghị cấp cao Đông Á (East Asia Summit - EAS) ở kênh 1.

<sup>10</sup> Tháng 6-2008, Học viện Quan hệ quốc tế (IIR) nâng cấp và đổi tên thành Học viện Ngoại giao (DAV).

<sup>11</sup> Hadi Soesastro, Clara Joewono, and Caroline G. Hernandez, eds., *Twenty Two Years of ASEAN ISIS: Origin, Evolution, and Challenges of Track Two Diplomacy*, (Jakarta: Published for ASEAN ISIS by CSIS, 2006), 78.

Bên cạnh các cơ chế đa phương này, từng quốc gia ASEAN, cũng tổ chức một loạt các cuộc đối thoại kênh 2 song phương với các viện nghiên cứu đối tác ở Trung Quốc, Nhật Bản, Hàn Quốc và Đài Loan (Trung Quốc), cũng như ở các khu vực khác như Ô-xtrây-li-a, Niu Di-lân và các nước châu Âu...

Qua phần thực tiễn trên, có thể đúc kết một số đặc điểm của ngoại giao kênh 2 ở khu vực châu Á - Thái Bình Dương như sau:

*Thứ nhất*, ngoại giao kênh 2 hay kênh 1.5 không phải là kênh thay thế nhưng cũng không phải là kênh phụ của kênh 1. Kênh 2 có tính độc lập nhất định, là kênh hỗ trợ cho kênh 1. Trước hết, cần thấy hết các điểm mạnh của kênh 2, kênh 1.5 là: (i) các hoạt động thường diễn ra trong một môi trường thoải mái, không căng thẳng, thẳng thắn, cởi mở vì không phải chịu sức ép về chính trị và thời gian; (ii) những người tham gia không phải đối mặt trực tiếp với các vấn đề được trao đổi, nên có điều kiện nhìn nhận vấn đề một cách khách quan, toàn diện, không phiến diện, định kiến; và (iii) có thể xây dựng các mối quan hệ lâu dài giữa các cá nhân hoặc tạo lập các mạng lưới giữa các tổ chức.

*Thứ hai*, kênh 2 và kênh 1.5 còn có vị trí rất quan trọng trong mối quan hệ đa kênh trong quan hệ quốc tế, không chỉ đóng vai trò cầu nối giữa kênh 3 và kênh 1 mà quan trọng hơn, sự gắn kết giữa kênh 2 và kênh 3 góp phần tạo lập ý thức cộng đồng, tìm kiếm bản sắc khu vực, góp phần đẩy nhanh tiến trình khu vực hóa ở Đông Nam Á.

*Thứ ba*, kênh 2 và kênh 1.5 thường tập trung vào những vấn đề mang tính cơ cấu sâu xa hơn và những nhu cầu thiết thực của người dân ở các nước trong khu vực, vì vậy, nó dễ dàng gắn kết với các tầng lớp nhân dân đông đảo trong xã hội, từ đó có thể đóng vai trò cầu nối giữa chính phủ và nhân dân các nước, tức là giữa kênh 1 và kênh 3. Kênh 2 phối hợp với kênh 3 qua kênh 1.5 cũng là công cụ hữu hiệu để đưa các vấn đề cần giải quyết của từng nước Đông Nam Á ra cộng đồng khu vực,

qua đó mở rộng chủ đề của các cuộc thảo luận về an ninh, bao gồm các vấn đề từ khủng hoảng kinh tế, bất ổn xã hội cho đến di cư bất hợp pháp. Đồng thời việc thảo luận về những vấn đề của khu vực Đông Nam Á ảnh hưởng đến khu vực rộng lớn hơn, cụ thể là châu Á - Thái Bình Dương, Ấn Độ Dương - Thái Bình Dương. Sự gắn kết và phối hợp hoạt động giữa ba Kênh là điều kiện cơ bản để tiến tới cộng đồng khu vực Đông Nam Á cũng như khu vực rộng lớn hơn trên cơ sở ý thức chung, mục tiêu chung và chính sách phối hợp chung.

### **Hoạt động ngoại giao kênh 2 của Việt Nam**

Việt Nam tham gia ASEAN-ISIS từ năm 1995 và rất tích cực trong các hoạt động kênh 2. Được Chính phủ giao trọng trách điều phối chính của Việt Nam trong nhiều mạng lưới nghiên cứu quan hệ quốc tế ở khu vực và trên thế giới, Học viện Ngoại giao đã thiết lập quan hệ hợp tác với hơn 80 viện nghiên cứu và trường đại học nước ngoài. Đánh giá về vị thế của Học viện Ngoại giao, bà Carolina Hernandez, Chủ tịch ISDS Phi-líp-pin khẳng định: “Vị thế của Học viện Ngoại giao từng bước được nâng cao trong mạng lưới nghiên cứu chiến lược quốc tế của ASEAN và khu vực châu Á - Thái Bình Dương rộng lớn hơn.”<sup>12</sup> Đánh giá về đóng góp của Học viện Ngoại giao trong kênh 2 của ASEAN, ông Rizal Sukma, Giám đốc điều hành Trung tâm nghiên cứu chiến lược và quốc tế (CSIS) In-đô-nê-xi-a cho rằng “quan điểm mềm dẻo nhưng cương quyết của Việt Nam không chỉ mang lại một hình ảnh mới cho ASEAN mà còn góp phần quan trọng duy trì sự thống nhất trong đa dạng của ASEAN.”<sup>13</sup> Mạng lưới Việt Nam tham gia kênh 2 ngoài Học viện Ngoại giao (DAV)

<sup>12</sup> Tác giả phỏng vấn bà Carolina Hernandez, Chủ tịch ISDS Phi-líp-pin, tại Hội thảo “Châu Á - Thái Bình Dương: Một cộng đồng cho thế kỷ XXI”, tổ chức ngày 3-5/12/2009 tại Sydney, Ô-xtrây-li-a.

<sup>13</sup> Ông Rizal Sukma phát biểu tại Diễn đàn Đối thoại ASEAN - Hàn Quốc, tổ chức ngày 18/11/2008, tại Siem Riep, Cam-pu-chia.

còn có các cơ quan, viện nghiên cứu khác (Hội đồng lý luận Trung ương, Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh, Viện chiến lược của Bộ quốc phòng, Bộ Công an, Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam, Trung tâm Khoa học xã hội và Nhân văn quốc gia, Viện Nghiên cứu Đông Nam Á,... và các tổ chức phi chính phủ).

Qua các cơ chế và mạng lưới của ngoại giao kênh 2 của ASEAN như ASEAN-ISIS, CSCAP, NEAT... Việt Nam đã tổ chức đối thoại thường niên với nhiều tổ chức hiệp hội học thuật, cơ quan nghiên cứu đối tác. Ví dụ như Mạng lưới các viện nghiên cứu ASEAN - Trung Quốc (NACT), Trung tâm nghiên cứu toàn cầu về Mê Công (GCMS), Mạng lưới các trung tâm nghiên cứu APEC (ASCC), Tạp chí Trung Cộng (Đài Loan), Viện Quan hệ quốc tế Đài Loan (IIR), Viện Nghiên cứu quan hệ quốc tế đương đại Trung Quốc (CICIR), Viện Các vấn đề quốc tế Nhật Bản (JIIA), Viện Nghiên cứu chiến lược và quốc tế Malaixia (ISIS), Viện Ngoại giao và an ninh quốc gia Hàn Quốc (IFANS), Viện Nghiên cứu quốc tế Thượng Hải (SIIS), Học viện Ngoại giao Lào (IFA), Viện Hòa bình và Hợp tác Cam-pu-chia (CICP), Trung tâm nghiên cứu các vấn đề chiến lược và quốc tế (CSIS), Viện Brookings (Hoa Kỳ), Viện Lowy (Ô-xtrây-li-a), Viện nghiên cứu quốc tế (Ấn Độ), Trung tâm nghiên cứu chính sách (I-xra-en)... Việt Nam ngày càng chủ động hơn, vừa là một trong những thành viên tham gia sáng lập nhiều diễn đàn kênh 2 như CSCAP, AICOHR..., cũng như cùng các thành viên khác của ASEAN thúc đẩy thêm đối thoại kênh 2 giữa các nước Đông Á với các nước EU.

Việt Nam, sau khi tham gia ASEAN và trở thành thành viên của ASEAN-ISIS, cũng tham gia vào việc mở rộng mô hình đối thoại không chính thức, mở rộng kênh 2 của ASEAN ra khu vực rộng lớn hơn, khu vực châu Á - Thái Bình Dương. Qua đó Việt Nam cũng thu về nhiều lợi ích cụ thể. Một số kênh quan trọng bao gồm:

*Hội nghị bàn tròn châu Á - Thái Bình Dương (APR)*, được biết đến như một diễn đàn ngoại giao kênh 2 lớn nhất về an ninh ở khu vực châu Á - Thái Bình Dương. Hội nghị khuyến khích sự trao đổi thẳng thắn, mang tính công bằng, vô tư, tạo điều kiện cho các nước cũng như Việt Nam có thể cởi mở hơn trong quá trình thảo luận những vấn đề nhạy cảm, cũng như tìm hiểu những vấn đề có liên quan sâu hơn. APR luôn nỗ lực hết mình để đưa tất cả các bên xung đột đến Hội nghị. Hội nghị tạo cơ hội cho Việt Nam gặp gỡ nhiều đối tác để xây dựng lòng tin.

*Hội đồng Hợp tác an ninh châu Á - Thái Bình Dương (CSCAP)*, về thực chất là kênh 2 của ARF, các hoạt động thể hiện qua các Nhóm làm việc của CSCAP.<sup>14</sup> Việt Nam tham gia hầu hết tất cả các nhóm. Các nhóm này đều có các chương trình, các báo cáo kết quả nghiên cứu cũng như công việc cụ thể, và đã có những đóng góp đáng kể vào việc nghiên cứu và củng cố an ninh khu vực thông qua các đề xuất ý kiến cho kênh 1.

*Hội đồng Nhân dân ASEAN (APA)* được lập ra để tăng cường nhận thức về cộng đồng ASEAN; tăng cường hiểu biết về sự đa dạng của ASEAN; và tăng cường tìm giải pháp cho các vấn đề kinh tế - xã hội ảnh hưởng đến tổ chức ASEAN, đến Việt Nam... Để giải quyết được những vấn đề này, ngoài vai trò của chính phủ, thì vai trò của các tổ chức xã hội, nhân dân và truyền thông là rất quan trọng. Như vậy, kênh 2 của ASEAN giờ đây thực hiện ba vai trò: hỗ trợ kênh 1 như một cố vấn chính sách, thể chế hóa mạng lưới của mình, và thúc đẩy kênh 3 tham gia vào quá trình xây dựng cộng đồng ở khu vực.

---

<sup>14</sup> Nhóm làm việc về các biện pháp an ninh và xây dựng lòng tin; Nhóm làm việc về an ninh toàn diện và an ninh hợp tác; Nhóm làm việc về hợp tác trên biển; Nhóm làm việc về an ninh ở Bắc Thái Bình Dương; Nhóm làm việc về tội phạm xuyên quốc gia; Nhóm làm việc về chống phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt; Nhóm làm việc của các chuyên gia về kiểm soát xuất khẩu,...

Việt Nam đã tổ chức nhiều hội nghị, hội thảo thuộc kênh 2. Qua các hội thảo này, các học giả, các quan chức với tư cách cá nhân có thể thảo luận các vấn đề an ninh - chính trị của khu vực; thiết lập các mối liên hệ với những thiết chế và tổ chức thuộc khu vực và thuộc các khu vực khác trên thế giới nhằm trao đổi thông tin, quan điểm và kinh nghiệm về phương cách xử lý các vấn đề, cũng như hợp tác an ninh và chính trị khu vực, đưa ra những khuyến nghị mang tính định hướng cho các chính phủ và các cơ quan liên chính phủ trong việc giải quyết các vấn đề an ninh - chính trị của khu vực.

Đặc biệt, Học viện Ngoại giao là đơn vị đã chịu trách nhiệm và chủ trì hai sáng kiến quan trọng của Việt Nam, đó là Hội thảo khoa học quốc tế về Biển Đông (SCSIC) và Diễn đàn Tương lai ASEAN (AFF). Đây mặc dù là những diễn đàn kênh 2, nơi tập trung các học giả, các chuyên gia, các nhà nghiên cứu chiến lược, chính sách của các nước, nhưng có bốn đặc điểm: (i) được lập ra với sáng kiến của kênh 1; (ii) có sự hiện diện của lãnh đạo các nước, đại diện của các Chính phủ; (iii) Chính phủ can thiệp về nội dung; và (iv) tài chính phần nhiều đến từ Chính phủ. Do vậy, về bản chất, những diễn đàn này là các diễn đàn ngoại giao kênh 1.5. Nhiều quốc gia giờ đây cũng lựa chọn tổ chức các diễn đàn theo hình thức này. Vừa phù hợp về nội dung, vừa phù hợp về thành phần, vừa có lợi về tài chính, vừa có sự bảo đảm về tính chính danh. Sự tham gia của các lãnh đạo cấp cao và các quan chức chính phủ tăng sức hấp dẫn và tính bền vững của các diễn đàn này. Tuy nhiên, các chính trị gia và các nhà nghiên cứu quan hệ quốc tế, vẫn thích gọi các diễn đàn kênh 1.5 là kênh 2, do tính linh hoạt và trao đổi cởi mở, thẳng thắn hơn của các diễn đàn này.<sup>15</sup>

---

<sup>15</sup> Cũng giống như Học viện Ngoại giao (Việt Nam), Viện Ngoại giao (Lào), Viện Nghiên cứu chính sách và chiến lược (Bru-nây), Viện Nghiên cứu chiến lược và quốc tế (Mi-an-ma), đều giống nhau về cơ cấu tổ chức, thuộc Chính phủ. Do vậy, bản chất của các Viện này đều là kênh 1.5, nhưng các nước này vẫn tự xem đây là thể chế kênh 2, để

Vai trò của kênh 2 hay kênh 1,5 đối với Việt Nam rất lớn. Hội thảo khoa học quốc tế về Biển Đông (SCSIC) được tổ chức lần đầu tiên vào năm 2009 và đến nay đã tổ chức gần 20 cuộc. Hội thảo tập trung vào ba cụm vấn đề chính: (1) Tầm quan trọng của Biển Đông đối với hòa bình và an ninh của khu vực cũng như thế giới; (2) Những diễn biến trên biển và lo ngại của các nước liên quan; và (3) Những phương thức và biện pháp cần thiết để duy trì hòa bình, ổn định và tăng cường hợp tác, cùng có lợi ở Biển Đông. Một học giả tham gia các SCSIC đã khen ngợi: “Học viện Ngoại giao Việt Nam đã hồi sinh diễn đàn kênh 2 về Biển Đông. Quan trọng là Hội thảo đưa được các luật gia đến tham dự, gắn việc giải quyết tranh chấp ở Biển Đông với luật pháp quốc tế. ASEAN nên đẩy mạnh các diễn đàn như vậy để tăng cường hiểu biết về lợi ích chung, tìm kiếm quan điểm chung trong việc gìn giữ hòa bình, ổn định ở Biển Đông và đề xuất các giải pháp cho tranh chấp. ASEAN nên cầm trịch các diễn đàn vì tranh chấp nằm chủ yếu ở Đông Nam Á.”<sup>16</sup>

Sáng kiến tổ chức Diễn đàn Tương lai ASEAN (AFF) được Thủ tướng Chính phủ Phạm Minh Chính công bố tại Hội nghị cấp cao ASEAN lần thứ 43 (Jakarta, In-đô-nê-xi-a, tháng 9/2023) và nhận được sự hưởng ứng, ủng hộ của các nước ASEAN và đối tác. Thủ tướng luôn quan tâm và chỉ đạo sát sao tới Bộ Ngoại giao và Học viện Ngoại giao trong suốt quá trình chuẩn bị tổ chức. Thông qua Diễn đàn này, Việt Nam muốn đưa ra ba thông điệp chính: (1) sự đóng góp chủ động, tích cực của Việt Nam với ASEAN; (2) một tầm nhìn xa hơn, hướng tới tương lai; và (3) tầm nhìn rộng hơn, toàn diện hơn không chỉ giới hạn ở khu vực mà mở rộng trên toàn cầu, có sự tham gia của đông đảo các tầng

---

có thể tham gia đầy đủ các diễn đàn, các tọa đàm, các hội thảo của kênh 2, diễn ra rộng khắp thế giới, bàn về nhiều vấn đề cốt lõi liên quan.

<sup>16</sup> Tác giả phỏng vấn ông Lee Lai To ngày 27/11/2009 tại Hội thảo “Biển Đông tăng cường hợp tác vì an ninh và phát triển trong khu vực,” tổ chức ngày 26-27/11/2009 tại Hà Nội.

lớp người dân Việt Nam và ASEAN. AFF cung cấp cho kênh 1 các ý tưởng, sáng kiến trong quá trình xây dựng tầm nhìn ASEAN đến năm 2045. Như Thứ trưởng Ngoại giao Việt Nam Đỗ Hùng Việt đã phát biểu: “Chúng tôi mong muốn với tính chất mở và bao trùm của Diễn đàn, vừa có sự tham gia của các chính phủ, vừa có sự tham gia của các giới học giả và doanh nghiệp, Diễn đàn sẽ tạo ra một nền tảng để tất cả các bên liên quan có thể chia sẻ các ý tưởng mới và sáng tạo. Từ đó, lãnh đạo các nước ASEAN có thể tham khảo trong quá trình xây dựng các chiến lược, tầm nhìn của ASEAN trong thời gian tới, góp phần mang lại những lợi ích thiết thực cho người dân của ASEAN.”<sup>17</sup>

Khi tham gia hợp tác Đông Á, trong kênh 1 cũng như kênh 2 hay kênh 1.5, Việt Nam là một trong những nước có lập trường, quan điểm mềm dẻo, phù hợp giữa các bên và có cách xử lý khéo léo, linh hoạt, do đó, tiếng nói có trọng lượng trong các vấn đề liên quan đến hợp tác chính trị - an ninh giữa ASEAN với các nước liên quan. Trong các chương trình phát triển các tiểu khu kinh tế, đặc biệt là chương trình phát triển tiểu vùng sông Mê Công, Việt Nam đã đẩy mạnh việc đưa các vấn đề an ninh phi truyền thống vào các chương trình nghị sự, đặc biệt là an ninh môi trường, an ninh năng lượng, an ninh lương thực, an ninh con người... Để xóa bỏ khoảng cách phát triển trong ASEAN, Việt Nam đã nêu nhiều sáng kiến đẩy mạnh chương trình phát triển hành lang kinh tế ASEAN, từ một hành lang chính chia thành các hành lang nhỏ; các chương trình phát triển trong khu vực để giúp đỡ các nước phát triển chậm hơn, khó khăn hơn, tạo tiền đề không làm giảm sự tăng trưởng của toàn khối ASEAN.

---

<sup>17</sup> Diễn đàn tương lai ASEAN 2024: chia sẻ các ý tưởng sáng tạo về tầm nhìn tương lai ASEAN, *Báo điện tử Chính phủ*, 21/4/2024, <https://baochinhpvu.vn/dien-dan-tuong-lai-asean-2024-chia-se-cac-y-tuong-moi-va-sang-tao-ve-tam-nhin-tuong-lai-asean-102240421165628742.htm>.

Tham gia kênh 2/kênh 1.5, Việt Nam thực hiện được đường lối đối ngoại đa phương hóa, đa dạng hóa quan hệ, không chỉ trong ASEAN, mà còn mở rộng ra Đông Á và châu Á - Thái Bình Dương. Việc phối hợp kênh 2 với kênh 1 và kênh 3, giúp Việt Nam có được sự tham gia của mọi tầng lớp xã hội, từ Chính phủ tới nhân dân, từ các học giả tới các doanh nghiệp, tạo ra sức mạnh tổng hợp cho hoạt động đối ngoại. Qua các diễn đàn đa phương, Việt Nam có cơ hội làm sâu sắc thêm các diễn đàn song phương, thúc đẩy nền ngoại giao toàn diện và sâu rộng.

Đồng thời, khi tham gia kênh 2/kênh 1.5, Việt Nam cũng tận dụng được những điểm mạnh, riêng biệt của các kênh này vào thực tiễn đối ngoại. Thứ nhất, không mất đi bản sắc chính trị - tư tưởng, nhưng cũng không tạo ra mâu thuẫn chính trị - tư tưởng. Thứ hai, không quá học thuật và cũng không quá phi chính phủ. Thứ ba, chú trọng các vấn đề an ninh và đi sâu vào việc phát triển bền vững. Thứ tư, tạo được mạng lưới chiến lược và đối tác đa tầng nấc. Thứ năm, huy động được các chuyên gia, các nhân vật ưu tú. Thứ sáu, hơn hết, kênh 2/kênh 1.5 thực sự giúp Việt Nam thực hiện được đường lối đối ngoại chủ động, tích cực và tự chủ.

Việt Nam cũng có những thuận lợi nhất định khi tham gia kênh 2/kênh 1.5. Những thành tựu trong công cuộc đổi mới và trong chính sách đối ngoại tích cực hội nhập quốc tế, thúc đẩy quan hệ với các nước láng giềng và các đối tác đã tạo niềm tin về đường lối mở cửa và hội nhập khu vực của Việt Nam. Vị thế lớn mạnh chưa từng có của Việt Nam trên trường quốc tế giúp cho tiếng nói của Việt Nam ở các diễn đàn kênh 1, kênh 1.5, cũng như kênh 2 được lắng nghe và coi trọng. Mặt khác, Việt Nam có quan điểm gắn an ninh và phát triển của quốc gia với an ninh và phát triển của khu vực, tích cực tham gia các cơ chế an ninh đa phương trong khu vực, và quan điểm này được các nước khu vực rất hoan nghênh và chia sẻ trong kênh 2. Tuy nhiên, trong quá trình tham gia kênh 2, Việt Nam cũng gặp nhiều khó khăn: chưa có sự quan tâm đúng

mức từ Chính phủ, thiếu sự phối hợp đồng bộ giữa các cơ quan, các viện nghiên cứu cho sự tham gia của kênh 2, thiếu kinh phí hoạt động, thiếu nhân lực...

### **Một số kiến nghị nhằm thúc đẩy ngoại giao kênh 2 của Việt Nam trong bối cảnh mới**

Hiện nay, môi trường chiến lược của khu vực diễn biến phức tạp, khó lường, nhưng hòa bình và hợp tác vẫn là xu thế chủ đạo. Trong điều kiện các chính phủ có thiện chí và được các nước lớn ủng hộ, các cơ chế thúc đẩy hợp tác sẽ không ngừng được mở rộng. Đó là những điều kiện thuận lợi để ngoại giao kênh 2 và kênh 1.5 (đặc thù của Việt Nam) tiếp tục phát triển và Việt Nam có điều kiện phát huy vai trò của mình.

Tuy nhiên, cạnh tranh nước lớn đang ngày càng gay gắt, tạo ra những xung đột cục bộ ở một số khu vực. Do vậy hòa bình và hợp tác trở nên thiếu bền vững. Quốc gia nào cũng cảm nhận được các mối đe dọa an ninh, dù là mang tính chất truyền thống (an ninh quân sự) hay phi truyền thống (năng lượng, môi trường, tài nguyên thiên nhiên...), mà không quốc gia nào có thể đơn lẻ giải quyết, dù là nước lớn và mạnh đến đâu. Đồng thời, các vấn đề xã hội như nhân quyền, việc làm, an sinh xã hội, di cư... trở nên “nhạy cảm” hơn, khi biên giới cứng ngày càng mềm, đặc biệt là khi chúng liên quan đến chuyển đổi số, công nghệ, trí tuệ nhân tạo... Việc hợp tác để ngăn chặn hay giải quyết những vấn đề an ninh này cũng đòi hỏi việc xây dựng lòng tin vững vàng giữa các quốc gia và đảm bảo cam kết lâu dài trong sự tin nhiệm lẫn nhau. Kênh 2 thích hợp cho môi trường này. Cũng vì lẽ đó, kênh 2 trở thành xu hướng hợp tác quốc tế được phát triển mạnh trên thế giới.

Ảnh hưởng của diễn đàn kênh 2 lên kênh 1 là không nhỏ. Các cuộc đối thoại kênh 2 quy tụ các chuyên gia và học giả, những người có kiến thức sâu rộng và có khả năng đề xuất nhiều ý tưởng mới, có giá trị. Kênh

2 không chỉ phát triển ý tưởng xây dựng một diễn đàn đối thoại an ninh ở khu vực châu Á - Thái Bình Dương, mà còn phát triển khái niệm an ninh chung, an ninh hợp tác, tìm kiếm các biện pháp xây dựng lòng tin, giảm thiểu xung đột. Trong khuôn khổ đối thoại an ninh đa phương đó, tất cả các chính phủ quan tâm đến an ninh khu vực đã gặp nhau và thảo luận những vấn đề tác động tới an ninh quốc gia của họ trên cơ sở bình đẳng, không có khái niệm thù địch, không phân biệt đối tác hay đối tượng như trong kênh 1. Cách tiếp cận an ninh như vậy tự thân đã mang tính chất hợp tác đa phương.

Kênh 2/kênh 1.5 của Việt Nam cũng đi theo xu hướng chung này. Trong thời gian tới, Việt Nam cần tiếp tục thúc đẩy, giữ được sự hội nhập và tận dụng được lợi thế của các kênh này, thực hiện đường lối đối ngoại đa phương. Dưới đây là một số khuyến nghị về phương hướng để Việt Nam nâng cao hơn nữa vai trò của mình trong kênh 2 và kênh 1.5.

*Thứ nhất*, cần có chính sách cụ thể đối với ASEAN và từng đối tác của ASEAN trong ngoại giao kênh 2, cũng như kênh 1.5, đặt các chính sách này trong tổng thể chính sách đối ngoại chung và chính sách khu vực của Việt Nam, kết hợp tăng cường hợp tác đa phương với thúc đẩy quan hệ song phương.

*Thứ hai*, tăng cường hợp tác với các nước ASEAN, thúc đẩy liên kết với các nước có cùng quan điểm, đấu tranh duy trì các nguyên tắc cơ bản của ASEAN trong kênh 2 và kênh 1.5 (khá phổ biến trong ASEAN): nguyên tắc tôn trọng độc lập chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ của nhau, không áp đặt và can thiệp vào công việc nội bộ của nhau, giải quyết tranh chấp bằng thương lượng hòa bình, không dùng vũ lực và đe dọa dùng vũ lực, hợp tác bình đẳng cùng có lợi, không đi với bên này chống bên kia, không làm phương hại lợi ích của bất cứ bên thứ ba nào.

*Thứ ba*, tích cực góp phần nâng cao hiệu quả hợp tác của ASEAN nhằm duy trì vai trò chủ đạo của ASEAN trong các cơ chế, mạng lưới và

diễn đàn của ngoại giao kênh 2, làm cho APR, CSCAP, AICHOR, SCSIC, AFF... không đi chệch khỏi mục tiêu ban đầu. Chúng ta cần tăng cường hợp tác chặt chẽ hơn với các nước có cùng quan điểm, tiếp tục quá trình xây dựng lòng tin, tiệm tiến đến quá trình ngoại giao phòng ngừa trong khu vực.

*Thứ tư*, Việt Nam có vị trí địa chiến lược quan trọng nối Đông Bắc Á và Đông Nam Á, do vậy, trong ngoại giao kênh 2 và kênh 1.5, Việt Nam nên chủ động phát huy vai trò cầu nối giúp thúc đẩy quan hệ giữa Đông Bắc Á và Đông Nam Á.

*Thứ năm*, trong hoạt động ngoại giao kênh 2/kênh 1.5 cần đề xuất Việt Nam tiếp tục đăng cai cuộc gặp của các nước lớn và các cường quốc hạt nhân nhằm thúc đẩy các nước này tham gia TAC, ZOPFAN, SEANWFZ. Qua đó, Việt Nam vừa thiết lập được quan hệ với các nước lớn trong chính sách chung của ASEAN, vừa có thể tranh thủ thúc đẩy quan hệ song phương và đa phương với các nước này.

*Thứ sáu*, tận dụng kênh 2 và kênh 1.5, Việt Nam nên tích cực vận động một ASEAN đoàn kết trước sức ép của Mỹ và châu Âu về các vấn đề của khu vực, như vấn đề Mi-an-ma, vấn đề dân chủ hóa ở các nước thành viên ASEAN...

*Thứ bảy*, Việt Nam nên tích cực hơn trong các hoạt động của Diễn đàn Tương lai ASEAN... nêu các ý tưởng thúc đẩy giao lưu nhân dân, xây dựng các chương trình hành động nhằm hướng tới việc xây dựng các cộng đồng xã hội hài hòa và đùm bọc lẫn nhau.

## **Kết luận**

Sự tham gia của Việt Nam trong mạng lưới kênh 2 và kênh 1.5 của khu vực cũng như của thế giới mang ý nghĩa quan trọng, tạo thêm cơ hội cho Việt Nam giao lưu và hội nhập thế giới, thúc đẩy quan hệ

không chỉ giữa chính phủ với chính phủ mà còn giữa các đảng cầm quyền, đảng cộng sản và giữa các tầng lớp nhân dân với nhau, vừa thể hiện đường lối đối ngoại rộng mở của Việt Nam, đồng thời, cho các nước thấy được tinh thần trách nhiệm của Việt Nam trong quá trình hội nhập, từ đó tích cực làm bạn và trở thành đối tác tin cậy với Việt Nam. Trong bối cảnh tình hình quốc tế có những diễn biến mới, bất ổn và khó đoán định, Việt Nam càng cần tích cực tham gia vào mạng lưới kênh 2 và kênh 1.5 để nắm bắt tình hình, quan điểm của các nước, các sáng kiến, các giải pháp, cũng như tìm kiếm sự đồng thuận của các nước đối với quan điểm của Việt Nam, duy trì được lòng tin của quốc tế đối với Việt Nam, qua đó, giúp cho các khuôn khổ quan hệ hợp tác đã có của Việt Nam được bền vững và đi vào chiều sâu. Do vậy, rất cần sự quan tâm và chỉ đạo sát sao hơn nữa của Đảng và Chính phủ đối với ngoại giao kênh 2 và kênh 1.5./.

### **TÀI LIỆU THAM KHẢO**

#### **Tiếng Việt**

1. Báo điện tử Chính phủ. “Diễn đàn tương lai ASEAN 2024: chia sẻ các ý tưởng sáng tạo về tầm nhìn tương lai ASEAN.” 21/4/2024. <https://baochinhphu.vn/dien-dan-tuong-lai-asean-2024-chia-se-cac-y-tuong-moi-va-sang-tao-ve-tam-nhin-tuong-lai-asean-102240421165628742.htm>.
2. Đỗ Hùng Việt. “Xu hướng tập hợp lực lượng thông qua các cơ chế đa phương mới trên thế giới hiện nay và một số đề xuất chính sách đối với Việt Nam”. *Tạp chí cộng sản*, 24/6/2024.
3. Luận Thùy Dương. *Kênh đối thoại không chính thức về an ninh và chính trị: kênh 2 của ASEAN*. Hà Nội: Nxb. Chính trị quốc gia, 2010.

4. Nguyễn Minh Vũ. *Cục diện thế giới đến năm 2045*. Hà Nội: Nxb. Chính trị Quốc gia Sự thật, 2025.
5. Nguyễn Thu Mỹ. “Cộng đồng ASEAN: Trong nhận thức và quan điểm của Việt Nam.” *Tạp chí nghiên cứu Đông Nam Á*, số 5 (2008).
6. Phạm Bình Minh. *Cục diện thế giới đến 2020*. Hà Nội: Nxb. Chính trị Quốc gia, 2010.
7. Vũ Lê Thái Hoàng. *Ngoại giao chuyên biệt: Hướng đi ưu tiên mới của ngoại giao Việt Nam đến năm 2030*. Hà Nội: Nxb. Chính trị Quốc gia Sự thật, 2020.

#### **Tiếng Anh**

8. Hernandez, Carolina. “Governments and NGOs in the Search for Peace.” In *The ASEAN-ISIS and CSCAP Experience*. Philippines: Institute for Strategic and Development Studies, 1998.
9. Ruggie, John G. “Multilateralism: The Anatomy of an Institution.” *International Organization* 46, no. 3 (1992): 561-598.
10. Soesastro, Hadi, Clara Joewono, and Carolina Hernandez, eds. *Twenty Two Years of ASEAN-ISIS*. In *The ASEAN-ISIS and CSCAP Experience*. Jakarta: CSIS, 2006.